

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05-5-2023

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Quốc Thái Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Thái

2. Ông Phan Vũ Anh Kiệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 410/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15/11/2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 09/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 05/2023/TB-TA ngày 17 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị B**, sinh năm: 2000. Địa chỉ: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Phạm Đức N**, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Hồ Thị B trình bày: Chị và anh Phạm Đức N tìm hiểu, tự nguyện chung sống từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 13/02/2019. Quá trình chung sống giai đoạn đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng ý kiến về nhiều vấn đề. Anh N thường xuyên khó chịu, kiếm chuyện gây sự với chị. Vợ chồng cũng đã hoà giải nhưng không có kết quả, mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng không còn tôn trọng nhau, hiện tình cảm của chị đối với anh N không còn, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã không sống chung từ năm 2021 cho đến nay,

mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Đức N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: cháu Phạm Đức Minh T, sinh ngày: 06/4/2019; Giới tính: Nam. Khi ly hôn, chị B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Phạm Đức N:* Anh N đã được Tòa án nhân dân thị xã L tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh không có mặt để giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L cho rằng:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 41 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị B đối với anh Phạm Đức N. Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Phạm Đức Minh T, sinh ngày: 06/4/2019 cho chị Biên trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Chị Biên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Hồ Thị B nộp đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" đối với bị đơn anh Phạm Đức N. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Chị Hồ Thị B có đơn xin giải quyết vắng mặt; Anh Phạm Đức N đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị B và anh Phạm Đức N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 13/02/2019, nên hôn nhân giữa chị B và anh N là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, chị B cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng ý kiến về nhiều vấn đề, nên thường mâu thuẫn dẫn đến cãi vã nhau. Vợ chồng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc hay chia sẻ vui buồn trong cuộc sống nữa. Hiện chị không còn tình cảm và kiên quyết ly hôn với anh N. Đối với anh N, mặc dù Toà án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại nhà cha mẹ anh N và địa phương về tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh N, thể hiện: “...Vợ chồng anh Nhân và chị Biên có phát sinh mâu thuẫn, anh chị không sống chung từ năm 2021 cho đến nay ... Toà án giải quyết theo yêu cầu của chị Biên”. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh chị đã thật sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của nguyên đơn, là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về von chung: Giữa chị Biên và anh Nhân có 01 con chung là cháu Phạm Đức Minh T, sinh ngày: 06/4/2019; Giới tính: Nam. Xét, yêu cầu nuôi con của chị B, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao con chung cho ai nuôi phải đảm bảo cho con trẻ được phát triển bình thường, đầy đủ nhất về thể chất và tinh thần. Về điều kiện công việc thì hiện tại chị B có việc làm và thu nhập ổn định, quá trình vợ chồng sống ly thân thì chị B là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và hiện nay chị Biên vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu T tốt. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng anh N vẫn không hợp tác, không có ý kiến phản hồi nào gửi đến Tòa. Điều này chứng tỏ anh Nhân không có ý kiến phản bác gì đối với tất cả yêu cầu khởi kiện của chị Biên, trong đó có vấn đề về nuôi con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung mà không ai được cản trở. Để đảm bảo quyền lợi của con chung, anh N được quyền khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nếu có căn cứ theo quy định pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 58, 69, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Hồ Thị B được ly hôn anh Phạm Đức N.

[2] Về con chung: Giao cho chị Hồ Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phạm Đức Minh T, sinh ngày: 06/4/2019; Giới tính: Nam.

Anh Phạm Đức N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh N được quyền khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nếu có căn cứ theo quy định pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hồ Thị B phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai số 0012902, ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Chị Hồ Thị B đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Hồ Thị B và anh Phạm Đức N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH: UBND xã T, thị xã L;
- Lưu hồ sơ; Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Từ Quốc Thái Bình